# Câu 1: Xác định Field

1. Source Port (Cổng nguồn):
   * Giá trị: 54216
   * Ý nghĩa: Xác định ứng dụng/tiến trình gửi dữ liệu trên máy nguồn.
2. Destination Port (Cổng đích):
   * Giá trị: 60964
   * Ý nghĩa: Xác định ứng dụng/tiến trình nhận dữ liệu trên máy đích.
3. Length (Độ dài):
   * Giá trị: 914 (bytes)
   * Ý nghĩa: Tổng độ dài của UDP datagram, bao gồm cả header (8 bytes) và payload (dữ liệu).
4. Checksum (Kiểm tra lỗi):
   * Giá trị: 0x6d59
   * Ý nghĩa: Dùng để kiểm tra tính toàn vẹn của header và payload.

# Câu 2:

Source port: 2 byte

Destination port: 2 byte

Length: 2 byte

Checksum: 2 byte

# Câu 3: **Giá trị của trường Length trong UDP header là độ dài của gì?**

Trường Length trong UDP header biểu thị tổng độ dài của toàn bộ UDP datagram, bao gồm cả header và payload (dữ liệu).

**Chứng minh:**

1. Phân tích từ ví dụ trong Wireshark:

* Trong gói tin UDP được cung cấp:
  + Length: 914 (bytes)
  + UDP Header: 8 bytes (Source Port + Destination Port + Length + Checksum).
  + Payload: 906 bytes (hiển thị trong phần "UDP payload").
* Tổng UDP datagram = Header (8 bytes) + Payload (906 bytes) = 914 bytes → Khớp với giá trị Length.

# Câu 4: Số bytes lớn nhất mà payload (phần chứa dữ liệu gốc, không tính UDP header và IP header) của UDP có thể chứa?

* Payload UDP tối đa là 65,527 byte.

# Câu 5: Giá trị lớn nhất có thể có của port nguồn (Source port)

65,535

# Câu 6: